

Q, ngày 04 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 29, Điều 35, Điều 149, Điều 397; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 163/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

*Người yêu cầu:* Chị **Lê Thị Thu T**, sinh năm 1990;

HKTT: Thôn B, xã H, huyện Q, TP Hà Nội;

Hiện ở: Đội 3, thôn V, xã Đ, huyện Q, TP Hà Nội.

*Người yêu cầu:* Anh **Nguyễn Trường G**, sinh năm 1981;

HKTT và nơi ở: Thôn B, xã H, huyện Q, thành phố Hà Nội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Trường G kết hôn hợp pháp và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Q, thành phố Hà Nội ngày 20/10/2011. Do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Hai bên thực sự tự nguyện ly hôn.

[2] Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 12/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 07/11/2018. Hiện nay cháu L đang ở với anh G, còn cháu H đang ở với chị T. Nay ly hôn hai bên thỏa thuận: Giao cháu H cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu L cho anh G là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Hai bên thỏa thuận, không bên nào phải đóng góp nuôi con cho bên nào.

[4] Về tài sản chung, công sức chung:

Hai bên tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về lệ phí: Chị Lê Thị Thu T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**1.1. Về quan hệ hôn nhân:**

**Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Trường G thuận tình ly hôn.**

**1.2. Về con chung:**

Chị T và anh G có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 12/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 07/11/2018.

Giao cho chị T quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu H; Giao cho anh G quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

**1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:**

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T/anh G cho đến khi cháu L/cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

1.4. Về tài sản chung, công sức:

Do hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.5. Về nợ chung:

Không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Chị T tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000403 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã H;
- Lưu: Hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hữu Thanh**